

Số: 1059 /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 1)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND, ngày 16/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2023 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-STC ngày 01/8/2023 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2023 (đợt 1);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách năm 2023 (đợt 1) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Y tế, theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN tỉnh Đồng Nai;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Quang Trung

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:
Mã số:
Mã KBNN nơi giao dịch:

Văn phòng Sở Y tế
1012512
1761

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
1128359
1761

TTYT thành phố Biên Hòa
1065904
1761

TTYT huyện Long Thành
1073738
1767

		ĐVT: Triệu đồng			ĐVT: Triệu đồng			ĐVT: Triệu đồng			ĐVT: Triệu đồng			ĐVT: Triệu đồng		
LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	167.109,0	167.109,0	40.958,0	122,0	122,0	0,0	-	-	15.018,0	19.560,0	19.560,0	2.693,0	8.672,0	8.672,0	1.017,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	166.987,0	166.987,0	40.958,0	0,0	0,0	0,0	-	-	15.018,0	19.560,0	19.560,0	2.693,0	8.672,0	8.672,0	1.017,0
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	166.987,0	166.987,0	40.958,0	0,0	0,0	0,0	-	-	15.018,0	19.560,0	19.560,0	2.693,0	8.672,0	8.672,0	1.017,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	166.987,0	166.987,0	40.958,0	0,0	0,0	0,0	-	-	15.018,0	19.560,0	19.560,0	2.693,0	8.672,0	8.672,0	1.017,0
	- Khối điều trị	50.842,0	50.842,0	23.237,0				-			2.867,0	2.867,0	2.693,0	-	-	-
	+ Khối dự phòng	23.528,5	23.528,5	17.721,0				-		15.018,0	2.815,0	2.815,0	-	1.551,00	1.551,0	1.017,0
	+ Khối xã	92.616,5	92.616,5	0,0				0,0			13.878,0	13.878,0	-	7.121,00	7.121,0	0,0



hmc

Đơn vị: **TTYT TP. Long Khánh**
Mã số: **1077451**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1766**

TTYT huyện Định Quán
1065903
1768

TTYT huyện Trảng Bom
1021518
1764

TTYT huyện Thống Nhất
1046430
1771

TTYT huyện Tân Phú
1073805
1763

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.131,0	8.131,0	676,0	11.861,0	11.861,0	1.010,0	20.050,0	20.050,0	1.265,0	12.790,0	12.790,0	2.846,0	18.631,0	18.631,0	3.243,0
340	Chi quản lý hành chính	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
340 - 341	Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023															
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.131,0	8.131,0	676,0	11.861,0	11.861,0	1.010,0	20.050,0	20.050,0	1.265,0	12.790,0	12.790,0	2.846,0	18.631,0	18.631,0	3.243,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>8.131,0</i>	<i>8.131,0</i>	<i>676,0</i>	<i>11.861,0</i>	<i>11.861,0</i>	<i>1.010,0</i>	<i>20.050,0</i>	<i>20.050,0</i>	<i>1.265,0</i>	<i>12.790,0</i>	<i>12.790,0</i>	<i>2.846,0</i>	<i>18.631,0</i>	<i>18.631,0</i>	<i>3.243,0</i>
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	8.131,0	8.131,0	676,0	11.861,0	11.861,0	1.010,0	20.050,0	20.050,0	1.265,0	12.790,0	12.790,0	2.846,0	18.631,0	18.631,0	3.243,0
	+ <i>Khối điều trị</i>	-	-	-	-	-	-	9.297,0	9.297,0	1.265,0	4.392,0	4.392,0	2.846,0	6.712,0	6.712,0	3.243,0
	+ <i>Khối dự phòng</i>	1.312,00	1.312,0	676,0	2.467,00	2.467,0	1.010,0	1.486,0	1.486,0	-	1.807,0	1.807,0	-	2.733,0	2.733,0	-
	+ <i>Khối xã</i>	6.819,00	6.819,0	-	9.394,00	9.394,0	-	9.267,0	9.267,0	-	6.591,0	6.591,0	-	9.186,0	9.186,0	-



Handwritten signature

Đơn vị: *TTYT huyện Xuân Lộc*
Mã số: *1025637*
Mã KBNN nơi giao dịch: *1765*

TTYT huyện Vĩnh Cửu
1027521
1762

TTYT huyện Nhơn Trạch
1046172
1769

TTYT huyện Cẩm Mỹ
1021514
1772

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.195,0	20.195,0	5.247,0	18.240,0	18.240,0	936,0	12.847,0	12.847,0	2.754,0	16.010,0	16.010,0	4.253,0
340	Chi quản lý hành chính	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
340 - 341	Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023												
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20.195,0	20.195,0	5.247,0	18.240,0	18.240,0	936,0	12.847,0	12.847,0	2.754,0	16.010,0	16.010,0	4.253,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>20.195,0</i>	<i>20.195,0</i>	<i>5.247,0</i>	<i>18.240,0</i>	<i>18.240,0</i>	<i>936,0</i>	<i>12.847,0</i>	<i>12.847,0</i>	<i>2.754,0</i>	<i>16.010,0</i>	<i>16.010,0</i>	<i>4.253,0</i>
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	20.195,0	20.195,0	5.247,0	18.240,0	18.240,0	936,0	12.847,0	12.847,0	2.754,0	16.010,0	16.010,0	4.253,0
	+ <i>Khởi điều trị</i>	<i>6.668,0</i>	<i>6.668,0</i>	<i>5.247,0</i>	<i>9.508,0</i>	<i>9.508,0</i>	<i>936,0</i>	<i>5.051,0</i>	<i>5.051,0</i>	<i>2.754,0</i>	<i>6.347,0</i>	<i>6.347,0</i>	<i>4.253,0</i>
	+ <i>Khởi dự phòng</i>	<i>2.050,0</i>	<i>2.050,0</i>	-	<i>2.577,0</i>	<i>2.577,0</i>	-	<i>2.163,0</i>	<i>2.163,0</i>	-	<i>2.567,5</i>	<i>2.567,5</i>	-
	+ <i>Khởi xã</i>	<i>11.477,0</i>	<i>11.477,0</i>	-	<i>6.155,0</i>	<i>6.155,0</i>	-	<i>5.633,0</i>	<i>5.633,0</i>	-	<i>7.095,5</i>	<i>7.095,5</i>	-

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

nhl



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Văn phòng Sở Y tế**

Mã số: **1012512**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	122,0	122,0	0,0
340	Chi quản lý hành chính	122,0	122,0	0,0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>122,0</i>	<i>122,0</i>	<i>0,0</i>
340 - 341	Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023	122,0	122,0	0,0

ml



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật**

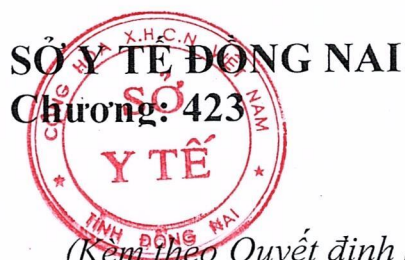
Mã số: **1128359**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	-	15.018,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	15.018,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	-	-	15.018,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	-	-	15.018,0
	+ Khối dự phòng	-		15.018,0

Handwritten signature



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT thành phố Biên Hòa**

Mã số: **1065904**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.560,0	19.560,0	2.693,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	19.560,0	19.560,0	2.693,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	19.560,0	19.560,0	2.693,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	19.560,0	19.560,0	2.693,0
	+ Khối điều trị	2.867,0	2.867,0	2.693,0
	+ Khối dự phòng	2.815,0	2.815,0	-
	+ Khối xã	13.878,0	13.878,0	-

ml



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Long Thành**

Mã số: **1073738**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1767**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.672,0	8.672,0	1.017,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.672,0	8.672,0	1.017,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	8.672,0	8.672,0	1.017,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	8.672,0	8.672,0	1.017,0
	+ Khối điều trị	-	-	-
	+ Khối dự phòng	1.551,00	1.551,0	1.017,0
	+ Khối xã	7.121,00	7.121,0	0,0

Handwritten signature



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT TP. Long Khánh**

Mã số: **1077451**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1766**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.131,0	8.131,0	676,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	8.131,0	8.131,0	676,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	8.131,0	8.131,0	676,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	8.131,0	8.131,0	676,0
	+ Khối điều trị	-	-	-
	+ Khối dự phòng	1.312,00	1.312,0	676,0
	+ Khối xã	6.819,00	6.819,0	-

ml



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Định Quán**

Mã số: **1065903**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1768**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.861,0	11.861,0	1.010,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.861,0	11.861,0	1.010,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	11.861,0	11.861,0	1.010,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	11.861,0	11.861,0	1.010,0
	+ Khối điều trị	-	-	-
	+ Khối dự phòng	2.467,00	2.467,0	1.010,0
	+ Khối xã	9.394,00	9.394,0	-

ml



SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Trảng Bom**

Mã số: **1021518**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1764**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.050,0	20.050,0	1.265,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20.050,0	20.050,0	1.265,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	20.050,0	20.050,0	1.265,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	20.050,0	20.050,0	1.265,0
	+ Khối điều trị	9.297,0	9.297,0	1.265,0
	+ Khối dự phòng	1.486,0	1.486,0	-
	+ Khối xã	9.267,0	9.267,0	-

aml



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Thống Nhất**

Mã số: **1046430**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1771**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.790,0	12.790,0	2.846,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	12.790,0	12.790,0	2.846,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	12.790,0	12.790,0	2.846,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	12.790,0	12.790,0	2.846,0
	+ Khối điều trị	4.392,0	4.392,0	2.846,0
	+ Khối dự phòng	1.807,0	1.807,0	-
	+ Khối xã	6.591,0	6.591,0	-

me



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Tân Phú**

Mã số: **1073805**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1763**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.631,0	18.631,0	3.243,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	18.631,0	18.631,0	3.243,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	18.631,0	18.631,0	3.243,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	18.631,0	18.631,0	3.243,0
	+ Khối điều trị	6.712,0	6.712,0	3.243,0
	+ Khối dự phòng	2.733,0	2.733,0	-
	+ Khối xã	9.186,0	9.186,0	-

mm



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Xuân Lộc**

Mã số: **1025637**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1765**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.195,0	20.195,0	5.247,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20.195,0	20.195,0	5.247,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	20.195,0	20.195,0	5.247,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	20.195,0	20.195,0	5.247,0
	+ Khối điều trị	6.668,0	6.668,0	5.247,0
	+ Khối dự phòng	2.050,0	2.050,0	-
	+ Khối xã	11.477,0	11.477,0	-

mm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Vĩnh Cửu**

Mã số: **1027521**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1762**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.240,0	18.240,0	936,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	18.240,0	18.240,0	936,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	<i>18.240,0</i>	<i>18.240,0</i>	<i>936,0</i>
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	18.240,0	18.240,0	936,0
	+ Khối điều trị	<i>9.508,0</i>	<i>9.508,0</i>	<i>936,0</i>
	+ Khối dự phòng	<i>2.577,0</i>	<i>2.577,0</i>	-
	+ Khối xã	<i>6.155,0</i>	<i>6.155,0</i>	-

ml



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Nhơn Trạch**

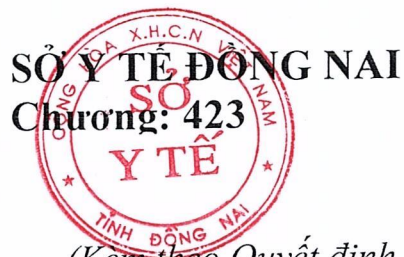
Mã số: **1046172**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1769**

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.847,0	12.847,0	2.754,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	12.847,0	12.847,0	2.754,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	12.847,0	12.847,0	2.754,0
	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	12.847,0	12.847,0	2.754,0
	+ Khối điều trị	5.051,0	5.051,0	2.754,0
	+ Khối dự phòng	2.163,0	2.163,0	-
	+ Khối xã	5.633,0	5.633,0	-

aml



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-SYT ngày 31/8/2023 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **TTYT huyện Cẩm Mỹ**

Mã số: **1021514**

Mã KBNN nơi giao dịch: **1772**

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Dự toán đơn vị sử dụng	Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.010,0	16.010,0	4.253,0
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	16.010,0	16.010,0	4.253,0
	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	16.010,0	16.010,0	4.253,0
130-139	Kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP năm 2022 và năm 2023	16.010,0	16.010,0	4.253,0
	+ Khối điều trị	6.347,0	6.347,0	4.253,0
	+ Khối dự phòng	2.567,5	2.567,5	-
	+ Khối xã	7.095,5	7.095,5	-

Handwritten signature